

Số: 124/CV-VASEP

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2024

V/v góp ý Dự thảo Luật sửa đổi bổ sung một số
điều của Luật CLSPHH

Kính gửi: - Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội
- Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia,
Bộ KHCN

Đồng kính gửi: - Hội đồng Tư vấn CCTTHC của Thủ tướng Chính phủ
- Bộ Tư pháp
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- Bộ Công thương
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (**VASEP**) nhận được Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa (sau đây gọi tắt là **Dự thảo**) được đăng tải trên website của Chính phủ để lấy ý kiến. Sau khi xem xét và tổng hợp ý kiến từ các doanh nghiệp hội viên, Hiệp hội VASEP có một số ý kiến, cụ thể như sau:

1. Vấn đề bổ sung quy định bắt buộc về mã số, mã vạch, nhãn hàng hóa, nhãn điện tử và mã truy xuất nguồn gốc đối với hàng hóa xuất khẩu và nhãn điện tử, mã truy xuất nguồn gốc đối với hàng hóa lưu thông tại Việt Nam

a. Kiến nghị:

- *Đối với hàng hóa xuất khẩu:* giữ nguyên như quy định hiện hành, không áp dụng cho hàng hóa xuất khẩu.
- *Đối với hàng hóa sản xuất, nhập khẩu để lưu thông trên thị trường Việt Nam:* hiện nay, quy định pháp luật chỉ áp dụng 2 loại quy định: nhãn sản phẩm và mã số mã vạch hoặc nhãn điện tử và mã truy xuất nguồn gốc.

b. Lý do:

❖ *Đối với hàng hóa xuất khẩu:*

- Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa nhằm mục tiêu để đảm bảo chất lượng các sản phẩm lưu thông tại Việt Nam bảo vệ người tiêu dùng trong nước. Các sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu không phục vụ nhu cầu tiêu dùng của các đối tượng này nên việc áp dụng các quy định chi tiết về mã số, mã vạch, nhãn hàng hóa, nhãn điện tử và mã truy xuất nguồn gốc đối với hàng hóa xuất khẩu là sai nguyên tắc áp dụng.
- Theo quy định trong Luật, các sản phẩm hàng hóa xuất khẩu đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của nước nhập khẩu. Việc tuân thủ song song quy định của cả nước nhập khẩu và Việt Nam là điều không thể, việc này sẽ gây tăng thủ tục, chi phí không cần thiết, làm giảm sức cạnh tranh của Doanh nghiệp so với các đối thủ ở quốc gia khác.

- Theo thông lệ quốc tế, các nước chỉ khuyến khích chứ không bắt buộc.
- ❖ *Đối với hàng hóa sản xuất, nhập khẩu để lưu thông trên thị trường Việt Nam:*
 - Hiện nay, các sản phẩm hàng hóa được nhập khẩu, sản xuất để lưu thông trong nước đã có mã số, mã vạch, nhãn hàng hóa. Các thông tin này đã bao gồm và thể hiện rõ các đặc tính cơ bản và xuất xứ của hàng hóa.
 - Theo thông lệ quốc tế, các nước chỉ khuyến khích mã số, mã vạch chứ không bắt buộc và trên đó đã thể hiện các đặc tính cơ bản và xuất xứ hàng hóa. Các nhà sản xuất chỉ sử dụng các loại mã điện tử như QR code để đăng tải hướng dẫn sử dụng sản phẩm nhằm tạo sự thuận lợi cho khách hàng tra cứu chứ mã QR code không thể hiện xuất xứ nguồn gốc như trong dự thảo.
 - Việc thực hiện tất cả các loại nhãn và mã sẽ là lãng phí về thời gian và chi phí không cần thiết, ảnh hưởng đến sức mua của người tiêu dùng, kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế.

Chi tiết phân tích và kiến nghị vui lòng xem Phụ lục 1 đính kèm.

2. Quy định áp dụng toàn bộ trách nhiệm của Doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu hàng hóa để lưu thông trên thị trường cho các Doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu là không phù hợp.

a. Kiến nghị: Không áp dụng trách nhiệm của Doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu hàng hóa để lưu thông trên thị trường cho các Doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu.

b. Lý do:

- *Về quy định của Việt Nam:* Dự thảo bổ sung nhiều quy định áp dụng toàn bộ trách nhiệm của nhà sản xuất cho hàng xuất khẩu trong khi quy định hiện hành là không áp dụng cho hàng hóa XK (các quy định hiện hành của Việt Nam cũng quy định rõ hàng XK chỉ cần đáp ứng quy định của nước NK). Lý do được nêu tại tờ trình là để phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi gian lận, làm giả xuất xứ, dán nhãn hàng hóa, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, trung chuyển hàng hóa trái phép, và để nâng cao sức cạnh tranh của hàng Việt Nam. Việc áp dụng máy móc các quy định kiểm soát chất lượng đối với hàng tiêu thụ trong nước cho cả hàng XK không chỉ làm đình trệ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, mà còn làm giảm sức cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu Việt Nam so với các đối thủ cạnh tranh ở các nước khác, giảm kim ngạch xuất khẩu, giảm sức hấp dẫn của môi trường đầu tư kinh doanh, giảm thu hút ngoại tệ, ảnh hưởng đến quá trình thu hút đầu tư nước ngoài và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, bởi xuất khẩu hiện đang đóng vai trò quan trọng với tỷ trọng khoảng 16% GDP của Việt Nam trung bình trong 5 năm qua, ảnh hưởng xấu lớn đến nền kinh tế quốc gia.
- *Về thông lệ quốc tế:* Hiện nay, hầu hết các quốc gia đều không áp dụng quy định tương tự cho DN sản xuất hàng xuất khẩu.
- *Về cơ sở thực tiễn:* DN không thể đáp ứng song song hết các quy định của các nước nhập khẩu và quy định của Việt Nam, đặc biệt là trong trường hợp các quy định của Việt Nam mâu thuẫn/không phù hợp với quy định của nước nhập khẩu, đồng thời DN

cũng sẽ mất rất nhiều thời gian, chi phí của DN để đáp ứng nhiều quy định cùng một lúc, dẫn đến mất cơ hội kinh doanh, giảm sức cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam so với các đối thủ cạnh tranh ở các nước khác.

Chi tiết phân tích và kiến nghị vui lòng xem Phụ lục 2 đính kèm

3. Chưa có Báo cáo phân tích đánh giá tác động tổng hợp đối với việc sản xuất, kinh doanh hàng hóa XK, hàng hóa NK để sản xuất, gia công hàng XK và hàng sản xuất, nhập khẩu để lưu thông trên thị trường trong nước:

a. Kiến nghị:

- Ban soạn thảo cần có Báo cáo phân tích đánh giá tác động tổng hợp đối với việc sản xuất, kinh doanh hàng hóa XK, hàng hóa NK để sản xuất, gia công hàng XK và hàng sản xuất, nhập khẩu để lưu thông trên thị trường trong nước.

b. Lý do:

- Ban soạn thảo chưa có kết quả đánh giá tác động về việc áp dụng các quy định này cho tất cả mọi hàng xuất khẩu có phù hợp với thông lệ quốc tế hay không, các quy định này sẽ ảnh hưởng như thế nào đến các Doanh nghiệp xuất khẩu khi các Doanh nghiệp đồng thời phải thỏa mãn quy định về quản lý chất lượng của cả nước sản xuất và nhập khẩu.
- Ban soạn thảo cũng chưa có đánh giá tác động đối với hàng NK để sản xuất, gia công hàng XK và hàng NK để lưu thông trên thị trường trong nước khi áp dụng các quy định mới. Cần có các nghiên cứu, phân tích, đánh giá tác động kỹ lưỡng đối với các quy định mới như thêm nhãn điện tử nhưng vẫn giữ nguyên nhãn hàng hóa, thêm mã nguồn gốc nhưng lại giữ nguyên mã số mã vạch cho hàng sản xuất, nhập khẩu để lưu thông trên thị trường trong nước và áp dụng cho cả hàng xuất khẩu có thực sự cần thiết hay không hay chỉ làm tăng chi phí của Doanh nghiệp không cần thiết, tăng giá thành sản phẩm, làm giảm sức mua của người tiêu dùng và ảnh hưởng đến sự phát triển của nền kinh tế. Thay vào đó, dự thảo nên quy định rõ trách nhiệm kiểm soát và tăng cường xử lý vi phạm về chất lượng hàng hóa đảm bảo không có hàng hóa kém chất lượng trôi nổi rất nhiều trên thị trường hiện nay.

4. Vương mắc về yêu cầu bắt buộc ghi số hiệu tiêu chuẩn

a. Kiến nghị: Bỏ yêu cầu bắt buộc số hiệu tiêu chuẩn tại khoản 1 điều 23 Luật này.

b. Lý do:

❖ *Đối với hàng hóa xuất khẩu:*

- Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa để đảm bảo chất lượng các sản phẩm lưu thông tại Việt Nam bảo vệ người tiêu dùng trong nước. Các sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu không phục vụ nhu cầu tiêu dùng của các đối tượng này nên việc quy định phải tự công bố tiêu chuẩn áp dụng với hàng hóa xuất khẩu là sai nguyên tắc áp dụng.
- Các sản phẩm hàng hóa đã đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của nước nhập khẩu và đã được các nước này công nhận các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ

thuật đó. Việc bắt buộc phải công bố tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng theo Tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam là không cần thiết.

❖ *Đối với hàng hóa sản xuất, nhập khẩu để lưu thông trên thị trường Việt Nam:*

- Các sản phẩm sản xuất, nhập khẩu để lưu thông trong nước đều phải đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Việc phải công bố tiêu chuẩn áp dụng là không cần thiết vì sản phẩm phục vụ người tiêu dùng, miễn sao đảm bảo chất lượng chứ người tiêu dùng cũng không có nhu cầu nắm bắt tiêu chuẩn cụ thể của hàng hóa đó. Hơn thế nữa, các tiêu chuẩn, quy chuẩn thường xuyên được cập nhật, thay đổi. Việc phải công bố sẽ khiến cho sản phẩm tăng giá thành không cần thiết, doanh nghiệp rơi vào tình trạng vi phạm quy định về niêm yết nhãn hàng hóa.

Chi tiết phân tích và kiến nghị vui lòng xem Phụ lục 3 đính kèm.

5. Những vấn đề khác:

Chi tiết phân tích và kiến nghị vui lòng xem Phụ lục 4 đính kèm

6. Các trách nhiệm gia tăng của doanh nghiệp xuất khẩu:

Chi tiết phân tích vui lòng xem Phụ lục 5 đính kèm

Trân trọng đề nghị các Quý Ủy ban và Ban soạn thảo xem xét, tiếp thu các góp ý-đề xuất nêu trên để bổ sung sửa đổi hợp lý cho Dự thảo nhằm vừa đảm bảo hiệu quả của công tác quản lý, vừa phù hợp với thực tế, vừa tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của các DN và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Trân trọng cảm ơn và kính chào./

Nơi nhận:

- Như trên;
- CIEM, VCCI;
- Chủ tịch HH và các PCT HH;
- VPĐD HH tại Hà Nội;
- Lưu VP HH.

**TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI
TỔNG THƯ KÝ**



Trương Đình Hòa

PHỤ LỤC 1

VƯƠNG MẮC TRONG QUY ĐỊNH BẮT BUỘC VỀ MÃ SỐ, MÃ VẠCH, NHÃN HÀNG HÓA, NHÃN ĐIỆN TỬ, MÃ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

Dự thảo đã sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến nhãn hàng hóa, nhãn điện tử, mã số mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa. Các điểm sửa đổi, bổ sung này chưa hợp lý do các lý do sau:

A. ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU:

Bản chất của mã số, mã vạch, nhãn hàng hóa, nhãn điện tử, mã truy xuất nguồn gốc là để giúp người tiêu dùng, DN quản lý, nhận diện nhanh chóng và chính xác hàng hóa, chứ không phải để đánh giá chất lượng, không liên quan đến đặc điểm hàng hóa. Chất lượng hàng hóa được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chứ không phải dựa trên mã số, mã vạch, nhãn hàng hóa, nhãn điện tử.

Đối với hàng hóa xuất khẩu, trách nhiệm đảm bảo hàng hóa phù hợp với quy định của nước nhập khẩu thuộc về nhà nhập khẩu. Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa được áp dụng để đảm bảo chất lượng các sản phẩm lưu thông tại Việt Nam và bảo vệ người tiêu dùng trong nước. Các sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu không phục vụ nhu cầu tiêu dùng của các đối tượng này nên việc áp dụng các quy định chi tiết về mã số, mã vạch, nhãn hàng hóa, nhãn điện tử và mã truy xuất nguồn gốc đối với hàng hóa xuất khẩu là sai nguyên tắc áp dụng.

I. Theo căn cứ pháp lý:

- Theo Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Điều 32. Điều kiện bảo đảm chất lượng hàng hóa xuất khẩu:

"1. Người xuất khẩu hàng hóa phải bảo đảm hàng hóa xuất khẩu phù hợp với quy định của nước nhập khẩu, hợp đồng hoặc điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế thừa nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp với nước, vùng lãnh thổ có liên quan.

2. Áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng trong quá trình sản xuất hoặc tự xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm do mình sản xuất."

- Nghị định 132/2008/NĐ-CP, Điều 10. Kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa xuất khẩu và xử lý vi phạm

"1. Hàng hóa đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 32 của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa được phép xuất khẩu mà không bị kiểm tra của cơ quan kiểm tra."

Vì vậy trên thực tế, các mặt hàng xuất khẩu đã đảm bảo chất lượng và nguồn gốc theo quy định của nước nhập khẩu. Trên thực tế, hàng hóa xuất khẩu đều đạt theo các tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 và các tiêu chuẩn chất lượng, an toàn của nước nhập khẩu như tiêu chuẩn UL và FCC(Mỹ và áp dụng cho Canada), CE(châu Âu), JSI và TSE(Nhật Bản), KC(Hàn Quốc) CCC(Trung Quốc) ...Việc quản lý để đảm bảo chất lượng do mình sản xuất có thể do Doanh nghiệp tự xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chứ không nên bắt buộc thành quy định chung.

Các luật chuyên ngành của Việt Nam (ATTP, Thú y, Thủy sản...) đều có quy định chung là chỉ thực hiện cấp giấy tờ khi có yêu cầu của nước nhập khẩu. Việc này cho thấy mã số, mã vạch, nhãn điện tử, mã truy xuất nguồn gốc không phải là yếu tố bắt buộc để đảm bảo chất lượng, an toàn hàng hóa theo tiêu chuẩn quốc tế. Các yêu cầu về chất lượng và an toàn đã được quy định trong các luật chuyên ngành và các thỏa thuận quốc tế. Việc bổ sung thêm quy định về nhãn hàng hóa, mã số, mã vạch, nhãn điện tử, mã truy xuất nguồn gốc chỉ tạo thêm gánh nặng hành chính cho doanh nghiệp mà không mang lại lợi ích thiết thực.

II. Theo thông lệ quốc tế:

Các quốc gia đều đã có quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại quốc gia mình như ở Việt Nam có Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; ở Mỹ có Luật An ninh y tế, Luật sửa đổi về an toàn Tất cả các Luật này đều ngăn chặn hàng hóa kém chất lượng xâm nhập vào thị trường trong nước. Vì vậy, đối với hàng xuất khẩu, Doanh nghiệp xuất khẩu đều đã tuân thủ theo quy định chất lượng nghiêm ngặt của nước nhập khẩu, đối với hàng hóa lưu thông trong nước đều đã tuân thủ theo quy định về chất lượng theo Pháp luật Việt Nam. Việc bổ sung quy định về mã số, mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc, nhãn hàng hóa, nhãn điện tử không có ý nghĩa trong việc quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa.

GS1 không quy định bắt buộc các quốc gia thành viên phải quản lý mã số, mã vạch, nhãn điện tử cho thấy tính tự nguyện trong việc áp dụng hệ thống này. Mỗi quốc gia có quyền tự quyết định việc quản lý mã số, mã vạch, nhãn hàng hóa, nhãn điện tử, mã truy xuất nguồn gốc dựa trên tình hình thực tế và nhu cầu của mình. Việc Việt Nam áp đặt quy định quản lý cứng nhắc, trong khi GS1 quốc tế không yêu cầu, là không cần thiết và có thể tạo ra rào cản thương mại cho chính hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

III. Thực tiễn doanh nghiệp:

Trên thực tế, hàng sản xuất xuất khẩu tại Việt Nam là hàng được sản xuất theo nhu cầu thị trường nước ngoài, đối tác nhập khẩu, phân phối, đặt hàng ở nước ngoài. Tuy nhiên, quốc gia nước ngoài có thể không có quy định tương tự như trên và bản thân đối tác nhập khẩu, mua hàng, đặt hàng ở nước ngoài nhận đơn hàng từ nhiều quốc gia khác nhau mà các quốc gia này cũng không yêu cầu thủ tục giấy tờ như Việt Nam. Do đó, việc yêu cầu đối tác nước ngoài cung cấp các giấy tờ như thư ủy quyền, bằng chứng chứng minh chủ hàng nước ngoài sở hữu hợp pháp mã số ủy quyền,... để hoàn thành bộ hồ sơ xác nhận sử dụng mã số nước ngoài là rất khó để đáp ứng hoặc mất rất nhiều thời gian để có được. Và sau đó tiếp tục là thời gian và nguồn lực để có Giấy xác nhận sử dụng mã nước ngoài từ Tổng Cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. Khi đó, doanh nghiệp không những mất chi phí về thời gian, nguồn lực mà còn đi kèm rủi ro không xuất hàng đúng thời hạn, không đáp ứng đơn hàng. (Tham khảo Bảng "Các trách nhiệm gia tăng của doanh nghiệp xuất khẩu" trong Phụ lục 5)

Đồng thời, mục đích của mã số mã vạch, nhãn hàng hóa, nhãn điện tử và mã truy xuất nguồn gốc là giúp nhà phân phối, bán lẻ dễ dàng quản lý hàng hóa của mình một cách thuận tiện nhất. Mã số mã vạch, nhãn hàng hóa, nhãn điện tử không thể hiện đặc tính, chất lượng, cũng như không chứa thông tin cần thiết phục vụ việc truy xuất nguồn gốc và chúng vẫn có thể được sao chép, copy, in ấn dễ dàng nên cũng không có tác dụng chống hàng giả, hàng nhái, gian lận thương mại. Do đó, việc thông báo mã số mã vạch, nhãn hàng hóa, nhãn điện

tử và mã truy xuất nguồn gốc không mang lại ý nghĩa cho công tác quản lý Nhà nước, gây lãng phí cho nhà sản xuất và xã hội. Theo quy định trong Luật, các sản phẩm hàng hóa xuất khẩu đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của nước nhập khẩu. Việc tuân thủ song song quy định của cả nước nhập khẩu và Việt Nam là điều không thể, việc này sẽ gây tăng thủ tục, chi phí không cần thiết, làm giảm sức cạnh tranh của Doanh nghiệp so với các đối thủ ở quốc gia khác.

Hơn nữa, mã số mã vạch là mã của nước ngoài. Mã này do chủ hàng đặt doanh nghiệp Việt nam sản xuất xuất khẩu cho họ để họ có thể đưa ngay vào hệ thống siêu thị bán lẻ ở nước ngoài. Họ không có nhu cầu bảo vệ, không ủy quyền cho Việt Nam hay Tổng cục Đo lường chất lượng bảo vệ.

Khách hàng trên thế giới không quan tâm việc dán nhãn hàng hóa hay nhãn điện tử theo quy định của Việt Nam mà họ chỉ quan tâm đến ngôn ngữ mà họ đọc được, thậm chí việc dán nhãn bằng tiếng Việt còn gây ra tình trạng mẫu mã hàng hóa bị xấu đi khi có tem nhãn dư thừa được dán lên, gây tăng chi phí lớn do việc phải dán nhãn không cần thiết này.

Hàng xuất khẩu của Việt Nam thường các DN đã có Giấy phép xuất khẩu theo chuyên ngành như thủy sản, thú ý, thực phẩm còn các ngành khác có C/O để đảm bảo nguồn gốc, xuất xứ của sản phẩm từ Việt Nam nên nếu nước nhập khẩu không yêu cầu mã nguồn gốc thì DN cũng không cần phải có. Việc phải áp dụng thêm mã nguồn gốc nhưng nước nhập khẩu không cần là 1 gánh nặng không cần thiết cho DN xuất khẩu.

IV. Hậu quả của việc thực hiện quy định này:

DN sẽ mất rất nhiều thời gian, chi phí để thực hiện ít nhất thủ tục nêu trên, thậm chí không có đủ thông tin để thực hiện đúng quy định vì phụ thuộc thông tin vào khách hàng quốc tế Ví dụ như MSMS dẫn đến không sản xuất kịp theo kế hoạch, không giao hàng cho khách hàng theo hợp đồng được, đơn hàng khi không đáp ứng không những bị phạt mà còn đánh mất khách hàng, giảm doanh thu, lợi nhuận, giảm công ăn việc làm, tác động xấu đến không chỉ doanh nghiệp mà còn ảnh hưởng lớn đến thu ngân sách nhà nước.

DN sẽ mất chi phí gấp đôi để nuôi một bộ máy quản lý và thực hiện các thủ tục để quản lý chất lượng theo Dự thảo luật, mất rất nhiều các chi phí để thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận, sử dụng dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy, dán nhãn hàng hóa, công bố tiêu chuẩn áp dụng, thực hiện đăng ký mã số mã vạch, mã truy xuất nguồn gốc v.v... dẫn đến tăng chi phí giá thành cho sản phẩm, mất cơ hội kinh doanh, giảm sức cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam so với các đối thủ cạnh tranh ở các nước khác. Điều này dẫn đến ảnh hưởng tới khối lượng đơn hàng, doanh thu, lợi nhuận, công ăn việc làm của không chỉ DN mà cả chuỗi cung ứng. Về tương lai, điều này sẽ cản trở lớn đến hoạt động duy trì đầu tư, và thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, ảnh hưởng tới kim ngạch xuất khẩu, giảm thu hút ngoại tệ và phát triển của nền kinh tế Việt Nam, giảm sức hấp dẫn của môi trường đầu tư kinh doanh, ảnh hưởng xấu lớn đến nền kinh tế quốc gia bởi xuất khẩu hiện đang đóng vai trò quan trọng với tỷ trọng khoảng 16% GDP của Việt Nam trung bình trong 5 năm qua.

B. ĐỐI VỚI HÀNG HÓA SẢN XUẤT, NHẬP KHẨU ĐỂ LƯU THÔNG TRÊN THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

Hiện nay, các sản phẩm hàng hóa được nhập khẩu, sản xuất để lưu thông trong nước đã có mã số, mã vạch, nhãn hàng hóa. Các thông tin này đã bao gồm và thể hiện rõ các đặc tính cơ bản và xuất xứ của hàng hóa. Việc tuân thủ các quy định về mã số, mã vạch đã đảm bảo việc cung cấp các thông tin đặc tính cơ bản và xuất xứ hàng hóa và quản lý nhà nước. Mã truy xuất nguồn gốc, nhãn điện tử chỉ nên khuyến khích áp dụng cho các doanh nghiệp. Việc bắt buộc áp dụng không những không làm tăng hiệu quả quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm mà còn tạo thêm thủ tục, khó khăn cho các doanh nghiệp.

I. Theo thông lệ quốc tế:

Các nước chỉ khuyến khích mã số, mã vạch chứ không bắt buộc và trên đó đã thể hiện các đặc tính cơ bản và xuất xứ hàng hóa. Các nhà sản xuất chỉ sử dụng các loại mã điện tử như QR code để đăng tải hướng dẫn sử dụng sản phẩm nhằm tạo sự thuận lợi cho khách hàng tra cứu chứ mã QR không thể hiện xuất xứ nguồn gốc như trong dự thảo.

Ví dụ như:

- Hoa Kỳ, Nhật Bản: trong hầu hết các trường hợp, việc ghi mã số, mã vạch trên sản phẩm là tự nguyện, chỉ có một số ngành hàng như dược phẩm có quy định riêng về dán mã số để giúp xác định nhanh chóng nguyên nhân của các vụ ngộ độc thực phẩm, thu hồi sản phẩm bị nhiễm khuẩn hoặc hóa chất độc hại, bảo vệ sức khỏe cộng đồng.
- Liên minh Châu Âu: không phải là bắt buộc chung cho tất cả các mặt hàng

Việc GS1 không quy định bắt buộc các quốc gia thành viên phải quản lý nhãn điện tử, mã truy xuất nguồn gốc cho thấy tính tự nguyện trong việc áp dụng hệ thống này. Mỗi quốc gia có quyền tự quyết định việc quản lý nhãn điện tử dựa, mã truy xuất nguồn gốc trên tình hình thực tế và nhu cầu của mình. Việc Việt Nam áp đặt quy định quản lý nhãn điện tử, mã truy xuất nguồn gốc cứng nhắc, trong khi GS1 quốc tế không yêu cầu, là không cần thiết giảm sức cạnh tranh của hàng hóa so với các quốc gia khác.

II. Theo thực tiễn doanh nghiệp:

Hầu hết các sản phẩm nhập khẩu và sản xuất đều chưa sử dụng mã truy xuất nguồn gốc, nhãn điện tử trừ một số sản phẩm nhập khẩu có mã QR truy xuất nguồn gốc được sử dụng để giúp khách hàng tra cứu nhanh chóng hướng dẫn sử dụng sản phẩm do áp dụng công nghệ. Nếu chỉ Việt Nam áp dụng sẽ buộc các DN nhập khẩu, sản xuất phải đầu tư thêm, tốn kém nhân lực, thời gian, chi phí không cần thiết, điều này dẫn đến giá thành sản phẩm tăng khiến cho sức mua của người tiêu dùng giảm, kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế, giảm thu ngân sách nhà nước...

III. Hậu quả của việc thực hiện quy định này:

DN sẽ mất rất nhiều thời gian để thực hiện các đủ theo quy định, mất chi phí gấp đôi và hơn thế để nuôi một bộ máy quản lý, đầu tư vào hệ thống và công nghệ để tuân thủ và thực hiện các thủ tục để quản lý chất lượng theo Dự thảo luật. Điều này, dẫn đến tăng chi phí giá thành cho sản phẩm, chậm trễ hoàn thiện, lưu thông sản phẩm, hàng hóa ra thị trường. Khi giá thành sản phẩm tăng cao dẫn đến nhiều hậu quả nghiêm trọng đến nền kinh tế như: sức mua người tiêu dùng giảm sút, doanh nghiệp giảm doanh thu, nhà nước cũng giảm thu

ngân sách, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao, nền kinh tế không ổn định và tăng trưởng gây thêm các bất ổn khác cho xã hội...

Kiến nghị:

- I. Đối với hàng hóa xuất khẩu: giữ nguyên như quy định hiện hành, không áp dụng cho hàng hóa xuất khẩu
- II. Đối với hàng hóa sản xuất, nhập khẩu để lưu thông trên thị trường Việt Nam: chỉ áp dụng 2 loại quy định: nhãn sản phẩm và mã số mã vạch hoặc nhãn điện tử và mã truy xuất nguồn gốc

PHỤ LỤC 2

VƯỚNG MẮC TRONG QUY ĐỊNH ÁP DỤNG TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA ĐỂ LƯU THÔNG TRÊN THỊ TRƯỜNG CHO DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT HÀNG XUẤT KHẨU

Theo dự thảo và các thông tin lấy ý kiến tại các buổi hội thảo góp ý cho dự thảo, DN sản xuất hàng xuất khẩu cũng là đối tượng áp dụng toàn bộ trách nhiệm của DN sản xuất hàng hóa để lưu thông trên thị trường như quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 28 của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Việc áp dụng trên là chưa phù hợp do các lý do sau:

I. Theo căn cứ pháp lý:

1. Quy định hiện hành của Việt Nam quy định rõ không áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu.

- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12, Điều 32 quy định:

"1. Người xuất khẩu hàng hóa phải bảo đảm hàng hóa xuất khẩu phù hợp với quy định của nước nhập khẩu, hợp đồng hoặc điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế thừa nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp với nước, vùng lãnh thổ có liên quan.

2. Áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng trong quá trình sản xuất hoặc tự xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm do mình sản xuất."

- Nghị định 132/2008/NĐ-CP, Điều 10. Kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa xuất khẩu và xử lý vi phạm

"1. Hàng hóa đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 32 của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa được phép xuất khẩu mà không bị kiểm tra của cơ quan kiểm tra."

2. Chưa có Báo cáo đánh giá tác động mức độ ảnh hưởng đến các Doanh nghiệp xuất khẩu đang làm ăn chân chính, đúng quy định của pháp luật Việt Nam và đang xuất khẩu ổn định, uy tín ra các nước trên thế giới sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực như thế nào khi các Doanh nghiệp đồng thời phải thỏa mãn 2 hệ thống quản lý chất lượng của cả nước sản xuất và nhập khẩu thay vì chỉ 1 quy định của nước nhập khẩu như hiện tại đồng thời phải đảm bảo về thời hạn giao hàng cho các khách hàng khó tính toàn cầu.

II. Theo thông lệ quốc tế:

- Hầu hết các điều không yêu cầu doanh nghiệp xuất khẩu phải tuân thủ tất cả các quy định về chất lượng hàng hóa nội địa; ví dụ như:

- *Singapore:* Chỉ yêu cầu doanh nghiệp tuân thủ tiêu chuẩn của nước nhập khẩu
- *Nhật Bản, Hàn Quốc:* Áp dụng nguyên tắc tự do xuất khẩu, chỉ kiểm soát một số mặt hàng đặc thù (Ví dụ chất bán dẫn, thực phẩm, đồ uống, mỹ phẩm...)

- Trên thực tế, các quốc gia thường hay tạo ra các rào cản kỹ thuật áp dụng đối với hàng nhập khẩu vào nước mình để bảo vệ hàng tiêu dùng sản xuất trong nước, và điều này trong các cam kết quốc tế là không được khuyến khích. Không có một quốc gia nào lại cố tình tạo ra nhiều rào cản kỹ thuật đối với hàng xuất khẩu bằng 1 loạt các quy định nêu trên như trong Dự thảo. Việt Nam cũng có những danh mục cấm và hạn chế xuất khẩu như nguyên liệu thô, quý hiếm...

III. Theo thực tiễn doanh nghiệp:

Doanh nghiệp (DN) không thể đáp ứng đồng thời tất cả quy định của Việt Nam và tất cả quy định của nước nhập khẩu bởi các lý do:

- Theo thống kê và phân tích chưa đầy đủ của chúng tôi thì DN xuất khẩu sẽ phải làm thêm ít nhất là 9 công việc mang tính chất thủ tục hành chính, tăng thời gian, chi phí không đáng có và đặc biệt dẫn đến nguy cơ cao không thể đảm bảo về thời hạn giao hàng cho khách hàng trên toàn cầu như Bảng "Các trách nhiệm gia tăng của doanh nghiệp xuất khẩu" trong Phụ lục 5.
- DN phải phát sinh một bộ máy để đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng của Việt Nam. Điều này là không thể thực hiện được, lãng phí.
- Cơ quan quản lý nhà nước và người tiêu dùng của nước nhập khẩu không quan tâm, không cần biết hàng hóa nhập khẩu vào nước họ có đảm bảo theo các tiêu chuẩn và quy định về đảm bảo chất lượng hàng hóa của Việt Nam hay không. Vì vậy, việc áp dụng cả tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam lên hàng xuất khẩu là một điều bất hợp lý và lãng phí không cần thiết.
- Cho dù trong dự thảo luật có quy định về thừa nhận lẫn nhau nhưng lại đòi hỏi phải có thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau là cứng nhắc bởi vì việc phải có thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau bằng văn bản giữa tổ chức tại Việt Nam và nước ngoài là không khả thi, khó thực hiện; tại Việt Nam không có 1 tổ chức nào có thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau với tổ chức nước ngoài. Việc cần phải có sự thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau tạo nên rào cản nghiêm trọng cho hàng hóa của các DN xuất khẩu vì khi đó hàng hóa DN xuất khẩu có nguy cơ chỉ được nước nhập khẩu chấp nhận khi hàng hóa bên họ được Việt Nam chấp nhận.
- Các quy định hiện tại như nhãn hàng hóa, mã số mã vạch, nhãn điện tử, mã truy suất nguồn gốc chỉ là công cụ để quản lý các thông tin cơ bản của sản phẩm, hàng hóa chứ không phải để đảm bảo chất lượng.
- Việc áp dụng toàn bộ trách nhiệm của DN sản xuất hàng hóa để lưu thông trên thị trường cho hàng xuất khẩu không phải là giải pháp tối ưu để ngăn chặn tình trạng vi phạm về xuất xứ nguồn gốc của một bộ phận DN nhỏ tại Việt Nam. Điều này giống như việc dùng thuốc cho cả làng chỉ vì một người ốm. Cần có các giải pháp phù hợp để ngăn chặn tình trạng gian lận xuất xứ nêu trên.

IV. Hậu quả của việc thực hiện quy định này:

- DN sẽ mất rất nhiều thời gian để thực hiện 12 thủ tục nêu trên, thậm chí không có đủ thông tin để thực hiện đúng quy định vì phụ thuộc thông tin vào khách hàng quốc tế Ví

dụ như MSMS dẫn đến không sản xuất kịp theo kế hoạch, không giao hàng cho khách hàng theo hợp đồng được, đơn hàng khi không đáp ứng không những bị phạt mà còn đánh mất khách hàng, giảm doanh thu, lợi nhuận, giảm công ăn việc làm, tác động xấu đến không chỉ doanh nghiệp mà còn ảnh hưởng lớn đến thu ngân sách nhà nước.

- DN sẽ mất chi phí gấp đôi để nuôi một bộ máy quản lý và thực hiện các thủ tục để quản lý chất lượng theo Dự thảo luật, mất rất nhiều các chi phí để thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận, sử dụng dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy, dán nhãn hàng hóa, công bố tiêu chuẩn áp dụng, thực hiện đăng ký mã số mã vạch, mã truy suất nguồn gốc v.v... dẫn đến tăng chi phí giá thành cho sản phẩm, mất cơ hội kinh doanh, giảm sức cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam so với các đối thủ cạnh tranh ở các nước khác. Điều này dẫn đến ảnh hưởng tới khối lượng đơn hàng, doanh thu, lợi nhuận, công ăn việc làm của không chỉ DN mà cả chuỗi cung ứng. Về tương lai, điều này sẽ cản trở lớn đến hoạt động duy trì đầu tư, và thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, ảnh hưởng tới kim ngạch xuất khẩu, giảm thu hút ngoại tệ và phát triển của nền kinh tế Việt Nam, giảm sức hấp dẫn của môi trường đầu tư kinh doanh, ảnh hưởng xấu lớn đến nền kinh tế quốc gia bởi xuất khẩu hiện đang đóng vai trò quan trọng với tỷ trọng khoảng 16% GDP của Việt Nam trung bình trong 5 năm qua.

Kiến nghị: Không áp dụng trách nhiệm của Doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu hàng hóa để lưu thông trên thị trường cho các Doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu và nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị để phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu.

PHỤ LỤC 3

VƯỚNG MẮC TRONG QUY ĐỊNH BẮT BUỘC GHI SỐ HIỆU TIÊU CHUẨN

Dự thảo luật yêu cầu bắt buộc ghi số hiệu tiêu chuẩn trên hàng hóa tại khoản 1 Điều 23 Luật này là chưa hợp lý bởi các lý do sau:

I. Theo căn cứ pháp lý:

Các quy định pháp luật chuyên ngành về ghi nhãn hàng hóa cũng không yêu cầu bắt buộc ghi số hiệu tiêu chuẩn trên nhãn hàng hóa.

II. Theo thông lệ quốc tế:

Thông lệ quốc tế không yêu cầu bắt buộc ghi số hiệu tiêu chuẩn trên hàng hóa. Các quốc gia thường tập trung vào việc kiểm tra và chứng nhận chất lượng sản phẩm thông qua các phương thức đánh giá sự phù hợp và hệ thống chứng nhận sản phẩm:

- Các quy định của EU về ghi nhãn hàng hóa không yêu cầu bắt buộc ghi số hiệu tiêu chuẩn trên hàng hóa. Thay vào đó, EU tập trung vào việc đảm bảo hàng hóa đáp ứng các yêu cầu về an toàn, chất lượng, và môi trường, thông qua việc áp dụng hệ thống đánh giá sự phù hợp (Conformity Assessment).

CE Marking: Dấu CE Marking trên sản phẩm chứng tỏ sản phẩm đã đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn và kỹ thuật của EU, thay vì yêu cầu ghi số hiệu tiêu chuẩn cụ thể.

- Hoa Kỳ: Các quy định của Hoa Kỳ về ghi nhãn hàng hóa cũng không yêu cầu bắt buộc ghi số hiệu tiêu chuẩn trên hàng hóa.

FDA Approval: Sản phẩm được FDA Approval chứng tỏ sản phẩm đã đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn và hiệu quả của Hoa Kỳ, thay vì yêu cầu ghi số hiệu tiêu chuẩn cụ thể.

- Nhật Bản: Các quy định của Nhật Bản về ghi nhãn hàng hóa cũng không yêu cầu bắt buộc ghi số hiệu tiêu chuẩn trên hàng hóa.

JIS Certification: Sản phẩm được chứng nhận JIS chứng tỏ sản phẩm đã đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của Nhật Bản, thay vì yêu cầu ghi số hiệu tiêu chuẩn cụ thể.

- Hàn Quốc: Các quy định của Hàn Quốc về ghi nhãn hàng hóa cũng không yêu cầu bắt buộc ghi số hiệu tiêu chuẩn trên hàng hóa.

KC Marking: Dấu KC Marking trên sản phẩm chứng tỏ sản phẩm đã đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn và kỹ thuật của Hàn Quốc, thay vì yêu cầu ghi số hiệu tiêu chuẩn cụ thể.

III. Theo thực tiễn doanh nghiệp:

❖ *Đối với hàng hóa xuất khẩu:*

- Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa để đảm bảo chất lượng các sản phẩm lưu thông tại Việt Nam bảo vệ người tiêu dùng trong nước. Các sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu không phục vụ nhu cầu tiêu dùng của các đối tượng này nên việc quy định phải tự công bố tiêu chuẩn áp dụng với hàng hóa xuất khẩu là sai nguyên tắc áp dụng.
- Các sản phẩm hàng hóa xuất khẩu đều đã đảm bảo đạt theo các tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 và các tiêu chuẩn chất lượng, an toàn của nước nhập khẩu như tiêu chuẩn UL và FCC(Mỹ và áp dụng cho Canada), CE(châu Âu), JSI và TSE(Nhật Bản), KC(Hàn Quốc) CCC(Trung Quốc) ...và đã làm thủ tục để được các nước này công nhận các

tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đó. Việc bắt buộc phải công bố tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng theo Tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam là không cần thiết, tăng thêm gánh nặng và chi phí rất lớn cho doanh nghiệp.

- Chính phủ và người tiêu dùng các nước họ không quan tâm những sản phẩm của Việt Nam được nhập khẩu vào nước họ có đạt được các tiêu chuẩn của Việt Nam và được công bố đầy đủ các số hiệu tiêu chuẩn trên nhãn mác, bao bì sản phẩm hay chưa; mà họ chỉ quan tâm đã đạt được điều kiện về chất lượng của đất nước họ để được lưu thông trên thị trường nước họ hay chưa; điều này hoàn toàn là phù hợp và Việt Nam cũng đang áp dụng điều này đối với hàng hóa sản xuất, nhập khẩu để lưu thông trên thị trường Việt Nam.
- Việc công bố đầy đủ số hiệu tiêu chuẩn cũng không giúp cho các Cơ quan quản lý nhà nước của Việt Nam phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi gian lận, làm giả xuất xứ, dán nhãn hàng hóa, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, trung chuyển hàng hóa trái phép, và để nâng cao sức cạnh tranh của hàng Việt Nam như mục đích ban đầu trong tờ trình đã nêu.

❖ ***Đối với hàng hóa sản xuất, nhập khẩu để lưu thông trên thị trường Việt Nam:***

- Các sản phẩm sản xuất, nhập khẩu để lưu thông trong nước đều phải đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Việc phải công bố tiêu chuẩn áp dụng là không cần thiết vì sản phẩm phục vụ người tiêu dùng, miễn sao đảm bảo chất lượng chứ người tiêu dùng cũng không có nhu cầu nắm bắt tiêu chuẩn cụ thể của hàng hóa đó. Hơn thế nữa, các tiêu chuẩn, quy chuẩn thường xuyên được cập nhật, thay đổi. Việc phải công bố sẽ khiến cho sản phẩm tăng giá thành không cần thiết, doanh nghiệp rơi vào tình trạng vi phạm quy định về niêm yết nhãn hàng hóa.
- Nếu bắt buộc áp dụng sẽ gây khó khăn cho sản xuất-kinh doanh, cụ thể là: thông thường các hàng hóa chỉ ghi nhãn các đặc tính cơ bản và các thông tin cảnh báo, và ghi số đăng ký/số công bố, chứ không ghi số hiệu tiêu chuẩn áp dụng. TCCS được kiểm soát trong nội bộ công ty và sẽ thường xuyên cập nhật theo yêu cầu của công ty do đó số hiệu TCCS cũng thay đổi theo sẽ dẫn tới việc phải hủy bỏ nhãn để thay nhãn với số tiêu chuẩn mới, gây tổn kém cho Doanh nghiệp trong khi không có ý nghĩa về quản lý nhà nước.

IV. Hậu quả của việc thực hiện quy định này:

DN sẽ mất rất nhiều chi phí để thực hiện thêm thủ tục này, điều này là lãng phí không cần thiết bởi các lý do nêu trên. Từ đó dẫn đến tăng chi phí giá thành cho sản phẩm, mất cơ hội kinh doanh, giảm sức cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam so với các đối thủ cạnh tranh ở các nước khác. Điều này dẫn đến ảnh hưởng tới khối lượng đơn hàng, doanh thu, lợi nhuận của không chỉ DN mà cả chuỗi cung ứng. Về tương lai, điều này sẽ cản trở lớn đến hoạt động duy trì đầu tư, và thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, ảnh hưởng tới kim ngạch xuất khẩu, giảm thu hút ngoại tệ và phát triển của nền kinh tế Việt Nam, giảm sức hấp dẫn của môi trường đầu tư kinh doanh, ảnh hưởng xấu lớn đến nền kinh tế quốc gia bởi xuất khẩu hiện đang đóng vai trò quan trọng với tỷ trọng khoảng 16% GDP của Việt Nam trung bình trong 5 năm qua.

DN nhập khẩu, sản xuất hàng hóa để lưu thông trong nước sẽ mất rất nhiều thời gian để thực hiện các thủ tục theo quy định, mất chi phí để nuôi một bộ máy quản lý, đầu tư vào hệ thống và công nghệ để tuân thủ và thực hiện các thủ tục này. Điều này, dẫn đến tăng chi phí giá thành cho sản phẩm, chậm trễ hoàn thiện, lưu thông sản phẩm, hàng hóa ra thị trường. Khi giá thành sản phẩm tăng cao dẫn đến nhiều hậu quả nghiêm trọng đến nền kinh tế như: sức mua người tiêu dùng giảm sút, doanh nghiệp giảm doanh thu, nhà nước cũng giảm thu ngân sách, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao, nền kinh tế không ổn định và tăng trưởng gây thêm các bất ổn khác cho xã hội...

Kiến nghị: Bỏ yêu cầu bắt buộc số hiệu tiêu chuẩn tại khoản 1 điều 23 Luật này.

CÁC VƯỚNG MẮC KHÁC TRONG DỰ THẢO

I. ĐỊNH NGHĨA “CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM HÀNG HÓA”

Dự thảo bổ sung yếu tố “an toàn” và “kiểm dịch” vào khái niệm Chất lượng sản phẩm hàng hóa, điều này là không hợp lý bởi vì:

1. Theo căn cứ pháp lý: Hiện nay, các văn bản pháp luật hiện hành đã quy định về yếu tố an toàn và kiểm dịch, cụ thể là:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12
- Luật thú y số 79/2015/QH13
- Luật bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13

Vậy nên, việc bổ sung này sẽ gây chồng chéo, vi phạm nguyên tắc đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

2. Theo thông lệ quốc tế:

- EU: tách biệt quản lý chất lượng và an toàn, mỗi lĩnh vực có quy định và cơ quan quản lý riêng
 - CE marking: Đánh giá sự phù hợp về chất lượng
 - HACCP: kiểm soát an toàn thực phẩm
 - Phytosanitary certificates: kiểm dịch thực vật
- Mỹ: có các cơ quan chuyên trách riêng cho từng lĩnh vực
 - CSCP: quản lý chất lượng hàng tiêu dùng
 - FDA: quản lý an toàn thực phẩm
 - USDA: quản lý kiểm dịch nông sản

3. Theo thực tiễn doanh nghiệp:

Việc bổ sung này có thể tạo ra gánh nặng không cần thiết cho doanh nghiệp, doanh nghiệp phải tuân thủ nhiều quy định khác nhau về an toàn và kiểm dịch, gây tốn kém thời gian, chi phí và nguồn lực vì phải tuân theo cả Luật chuyên ngành và Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa về cùng 1 vấn đề an toàn không cần thiết. Điều này, dẫn đến tăng chi phí giá thành cho sản phẩm, chậm trễ hoàn thiện, lưu thông sản phẩm, hàng hóa ra thị trường. Khi giá thành sản phẩm tăng cao dẫn đến nhiều hậu quả nghiêm trọng đến nền kinh tế như: sức mua người tiêu dùng giảm sút, doanh nghiệp giảm doanh thu, nhà nước cũng giảm thu ngân sách, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao, nền kinh tế không ổn định và tăng trưởng gây thêm các bất ổn khác cho xã hội...

Kiến nghị: Giữ nguyên như hiện tại

II. BỔ SUNG ĐỊNH NGHĨA “NHÂN ĐIỆN TỬ”

Theo Điều 1, mục 1, khoản 1: Bổ sung khoản 24 Điều 2. Giải thích từ ngữ:

“24. Nhân điện tử là phương tiện hoặc vật thể chứa dữ liệu (tem, nhãn, thẻ và các phương tiện hoặc vật thể phù hợp khác) mã hóa thông tin hoặc kết nối với cơ sở dữ liệu thông tin nhãn hàng hóa, đảm bảo thiết bị điện tử có thể đọc được. Nội dung thể hiện trên nhãn điện tử tương ứng với nội dung thể hiện trên nhãn hàng hóa và không làm sai lệch bản chất của hàng hóa.”

Quy định "nhãn điện tử là... kết nối với cơ sở dữ liệu thông tin nhãn hàng hóa" sẽ gây nên:

- Phát sinh thủ tục xin cấp phép, phê duyệt: Việc kết nối với cơ sở dữ liệu tập trung có thể đồng nghĩa với việc doanh nghiệp phải xin cấp phép hoặc phê duyệt từ cơ quan quản lý trước khi được sử dụng nhãn điện tử. Điều này tạo thêm một lớp thủ tục hành chính, gây mất thời gian và công sức cho doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Chi phí duy trì kết nối: Kết nối với cơ sở dữ liệu sẽ phát sinh chi phí duy trì hệ thống, đường truyền, bảo mật thông tin... Các chi phí này tạo gánh nặng cho DN.
- Hạn chế tính linh hoạt: Việc phải xin phép hoặc phê duyệt mỗi khi thay đổi thông tin trên nhãn điện tử làm giảm tính linh hoạt của doanh nghiệp trong việc cập nhật thông tin sản phẩm. Điều này đặc biệt bất tiện trong trường hợp cần thay đổi thông tin nhanh chóng, ví dụ như khi có khuyến mãi, thay đổi giá cả.

Hơn nữa, hệ thống cơ sở dữ liệu của Việt Nam hiện nay thường chậm không đáp ứng nhu cầu của người sử dụng; đồng thời dự thảo cũng chưa quy định rõ ràng về việc cơ sở dữ liệu thông tin nhãn hàng hóa sẽ do ai quản lý, vận hành, và các tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan.

Do vậy, thay vì yêu cầu kết nối với cơ sở dữ liệu, nên để doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm về việc quản lý và đảm bảo tính chính xác của thông tin trên nhãn điện tử. Điều này sẽ giúp giảm gánh nặng thủ tục, tăng tính linh hoạt, đồng thời khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kiến nghị: Chỉ khuyến khích dùng thêm nhãn điện tử bên cạnh nhãn hàng hóa tùy vào điều kiện của DN

III. VẤN ĐỀ THỪA NHẬN CÁC QUY CHUẨN, TIÊU CHUẨN NƯỚC NGOÀI

Dự thảo chưa có quy định về việc công nhận, thừa nhận các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật (TC và QCKT) nước ngoài mà vẫn phải có thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau. Điều này là không phù hợp bởi:

Thực tiễn hội nhập kinh tế quốc tế: Việt Nam đang tích cực tham gia vào các hiệp định thương mại tự do (FTA) và các tổ chức kinh tế quốc tế. Việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế là một điều tất yếu để hàng hóa Việt Nam có thể tiếp cận các thị trường lớn trên thế giới, đồng thời giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng được các yêu cầu của thị trường quốc tế. Việc áp dụng các TC và QCKT nước ngoài có sẵn cũng sẽ tránh việc xây dựng quá nhiều TC và QCKT không cần thiết, gây lãng phí.

Ở các nước, khu vực phát triển như EU, Mỹ, Nhật, Trung Quốc các TC và QCKT đã được xây dựng và áp dụng rộng rãi. Các sản phẩm, lĩnh vực được áp dụng các TC này đều

đảm bảo nghiêm ngặt về chất lượng tại Việt Nam và được sự công nhận của nhiều quốc gia cũng như người tiêu dùng. Vì vậy, việc thừa nhận các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật từ các nước tiên tiến hơn mà không phải áp dụng các TC và QCKT Việt Nam không chỉ đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật hàng hóa mà còn có thể nâng cao hơn chất lượng của các sản phẩm khi được áp dụng các TC QC này ở Việt Nam.

Ví dụ: tiêu chuẩn nông nghiệp Nhật Bản (JAS) được áp dụng cho một số sản phẩm hữu cơ tại thị trường Việt Nam, tiêu chuẩn công nghiệp Nhật Bản (JIS) áp dụng cho nhiều sản phẩm công nghiệp như đèn, công tắc, quạt, khẩu trang,...

Khi so sánh tiêu chuẩn VietGAP và tiêu chuẩn JGAP của Nhật Bản có thể thấy rằng JGAP có những yêu cầu nghiêm ngặt hơn về kỹ thuật, quy trình sản xuất. JGAP còn được công nhận rộng rãi trên thị trường quốc tế, đặc biệt là thị trường khó tính như EU.

Chính phủ và người tiêu dùng các nước họ không quan tâm những sản phẩm của Việt Nam được nhập khẩu vào nước họ có đạt được các tiêu chuẩn của Việt Nam và tổ chức chứng nhận sự phù hợp ở đất nước họ có thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau với một tổ chức ở Việt Nam hay không; mà họ chỉ quan tâm đã đạt được điều kiện về chất lượng của đất nước họ để được lưu thông trên thị trường nước họ hay chưa; điều này hoàn toàn là phù hợp và Việt Nam cũng đang áp dụng điều này đối với hàng hóa sản xuất, nhập khẩu để lưu thông trên thị trường Việt Nam.

Thực tiễn doanh nghiệp:

Việc cần phải có sự thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau để không phải áp dụng theo các tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn của Việt Nam cho hàng hóa xuất khẩu là quá khó, tạo nên rào cản cho hàng hóa của các DN xuất khẩu vì không có tổ chức chứng nhận sự phù hợp nào ở nước ngoài lại ký kết thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau với tổ chức chứng nhận sự phù hợp ở Việt Nam để làm gì.

DN sản xuất sản phẩm xuất khẩu thì phải tuân theo tiêu chuẩn nước ngoài. Theo quy định này thì phải có thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau bằng văn bản giữa tổ chức tại Việt Nam và nước ngoài; tuy nhiên tại Việt Nam không có 1 tổ chức nào có thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau với tổ chức nước ngoài.

Điều này dẫn tới các DN sản phẩm xuất khẩu buộc phải đạt và nhận được sự công nhận phù hợp của cả tổ chức nước ngoài và Việt Nam dẫn đến đội chi phí và thời gian cho Doanh nghiệp như trình bày ở Phụ lục 1.

Kiến nghị: Bỏ việc phải có Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và giữ nguyên như hiện tại

PHỤ LỤC 5

CÁC TRÁCH NHIỆM GIA TĂNG CỦA DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU

Stt	Trách nhiệm	Công việc phải làm	Ảnh hưởng tới DN XK
1	Quyết định và công bố mức chất lượng sản phẩm do mình sản xuất, cung cấp	Phải qua một quy trình rất nhiều bước để xin được Công bố chất lượng sản phẩm từ chuẩn bị, nộp hồ sơ, được thẩm định và nhận được văn bản trả lời	- Phát sinh thủ tục mới không cần thiết - Mất ít nhất 1 tháng từ chuẩn bị đến được phê duyệt -> Tăng nhân lực, chi phí và nguy cơ không xuất khẩu kịp thời hạn đơn hàng
2	Quyết định các biện pháp kiểm soát nội bộ để bảo đảm chất lượng sản phẩm	Xây dựng mới thêm hệ thống kiểm soát chất lượng theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn của Việt Nam	- Tăng nhân lực, chi phí không cần thiết
3	Lựa chọn tổ chức đánh giá sự phù hợp để thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa.	Lựa chọn và ký hợp đồng với các tổ chức đánh giá sự phù hợp ở Việt Nam để tiến hành đánh giá sự phù hợp của các sản phẩm xuất khẩu theo quy chuẩn, tiêu chuẩn của Việt Nam	- Mất rất nhiều thời gian cho việc đánh giá sự phù hợp không cần thiết. Thông thường cho 1 mẫu sản phẩm là có thể mất vài tháng/mẫu và có thể lên tới hàng chục triệu, trăm triệu/mẫu. Một DN mỗi năm có khoảng 20 mẫu sản phẩm mới thì quanh năm chỉ đi đánh giá còn không biết có kịp thời gian, và tốn hàng tỷ đồng chi phí phát sinh không cần thiết - Tăng nhân lực, chi phí thêm rất nhiều không cần thiết - Nguy cơ không xuất khẩu kịp thời hạn đơn hàng - Giảm sức cạnh tranh của sản phẩm, ảnh hưởng lớn như đã trình bày ở Công văn và các Phụ lục
4	Sử dụng dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy và các dấu hiệu khác cho sản phẩm theo quy định của pháp luật.	Phải thiết kế lại mẫu mã của sản phẩm, bao bì để có dấu hợp chuẩn, hợp quy theo quy chuẩn, tiêu chuẩn của Việt Nam	- Tăng nhân lực, chi phí, làm hình thức sản phẩm, bao bì xấu đi mà khách hàng và chính phủ nước nhập khẩu không quan tâm
5	Công bố tiêu chuẩn áp dụng quy định	Phải thiết kế lại mẫu mã của sản phẩm, bao bì để công bố tiêu chuẩn Việt Nam áp dụng	- Tăng nhân lực, chi phí, làm hình thức sản phẩm, bao bì xấu đi mà khách hàng và chính phủ nước nhập khẩu không quan tâm
6	Thể hiện các thông tin về chất lượng trên hàng hóa, bao bì, trong tài liệu kèm theo hàng hóa theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa	Phải thiết kế lại mẫu mã của sản phẩm hoặc bổ sung nhãn hàng hóa	- Tăng nhân lực, chi phí, làm hình thức sản phẩm, bao bì xấu đi, chi phí làm nhãn rất lớn mà khách hàng và chính phủ nước nhập khẩu không quan tâm Tại Canon Việt Nam, các sản phẩm đang được dán nhãn theo yêu cầu của nước nhập khẩu. Nếu phải thực hiện dán nhãn theo yêu cầu của Việt Nam thì sẽ phải bổ sung

Stt	Trách nhiệm	Công việc phải làm	Ảnh hưởng tới DN XK																				
			<p>nhân và chi phí phát sinh 6.3 tỷ Việt NamĐ/năm</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">số lượng máy 1 ngày</th> <th rowspan="2">Số tiền 1 nhân (VND)</th> <th rowspan="2">Tổng tiền/ ngày</th> <th rowspan="2">số ngày làm việc 1 năm</th> <th colspan="2">Tổng tiền/năm/ nhà máy</th> <th colspan="2">Tổng tiền/năm/ 3 nhà máy</th> </tr> <tr> <th>VND</th> <th>USD</th> <th>VND</th> <th>USD</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>60,000</td> <td>138</td> <td>8,280,000</td> <td>257</td> <td>2,127,960,000</td> <td>85,118</td> <td>6,383,880,000</td> <td>255,355,2</td> </tr> </tbody> </table>	số lượng máy 1 ngày	Số tiền 1 nhân (VND)	Tổng tiền/ ngày	số ngày làm việc 1 năm	Tổng tiền/năm/ nhà máy		Tổng tiền/năm/ 3 nhà máy		VND	USD	VND	USD	60,000	138	8,280,000	257	2,127,960,000	85,118	6,383,880,000	255,355,2
số lượng máy 1 ngày	Số tiền 1 nhân (VND)	Tổng tiền/ ngày	số ngày làm việc 1 năm					Tổng tiền/năm/ nhà máy		Tổng tiền/năm/ 3 nhà máy													
				VND	USD	VND	USD																
60,000	138	8,280,000	257	2,127,960,000	85,118	6,383,880,000	255,355,2																
7	Đăng ký mã số mã vạch	Phải đăng ký theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng nhân lực, chi phí mà khách hàng và chính phủ nước nhập khẩu không quan tâm - Tăng thời gian cho việc đăng ký dẫn tới nguy cơ không xuất khẩu kịp thời hạn đơn hàng 																				
8	Áp dụng mã nguồn gốc	Phải đăng ký theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng nhân lực, chi phí mà khách hàng và chính phủ nước nhập khẩu không quan tâm - Tăng thời gian cho việc đăng ký dẫn tới nguy cơ không xuất khẩu kịp thời hạn đơn hàng 																				
9	Nhân điện tử	Phải bổ sung thêm theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng nhân lực, chi phí mà khách hàng và chính phủ nước nhập khẩu không quan tâm 																				